

Phụ lục 01:
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1725/GPMT-UBND ngày 27/5/2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI.

1. Nguồn phát sinh nước thải.

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải từ khu nhà bếp.

1.3. Nguồn số 03: Nước thải từ khu giặt, ủi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải.

2.1. Dòng nước thải: Một (01) dòng nước thải ra môi trường.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hồ ga thu gom nước thải sinh hoạt có tuyến cống D1250mm thuộc vị trí hành chính: cách vỉa hè đoạn giao giữa đường Kim Đồng và đường Đình Công Tráng, khu đô thị Phú Lộc IV, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn khoảng 21m.

2.3. Vị trí xả nước thải:

a) Vị trí xả thải: 01 vị trí xả thải tại cửa xả nước thải sau xử lý chảy vào nguồn tiếp nhận là tuyến cống D1250mm thuộc vị trí hành chính: cách vỉa hè đoạn giao giữa đường Kim Đồng và đường Đình Công Tráng, khu đô thị Phú Lộc IV, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn khoảng 21m.

b) Tọa độ vị trí xả thải của dự án (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$, múi chiếu 3°):

$$X = 2418.128; Y = 449.552$$

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $117\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ với $4,875\text{m}^3/\text{giờ}$.

2.5. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.6. Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục (24 giờ).

2.7. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

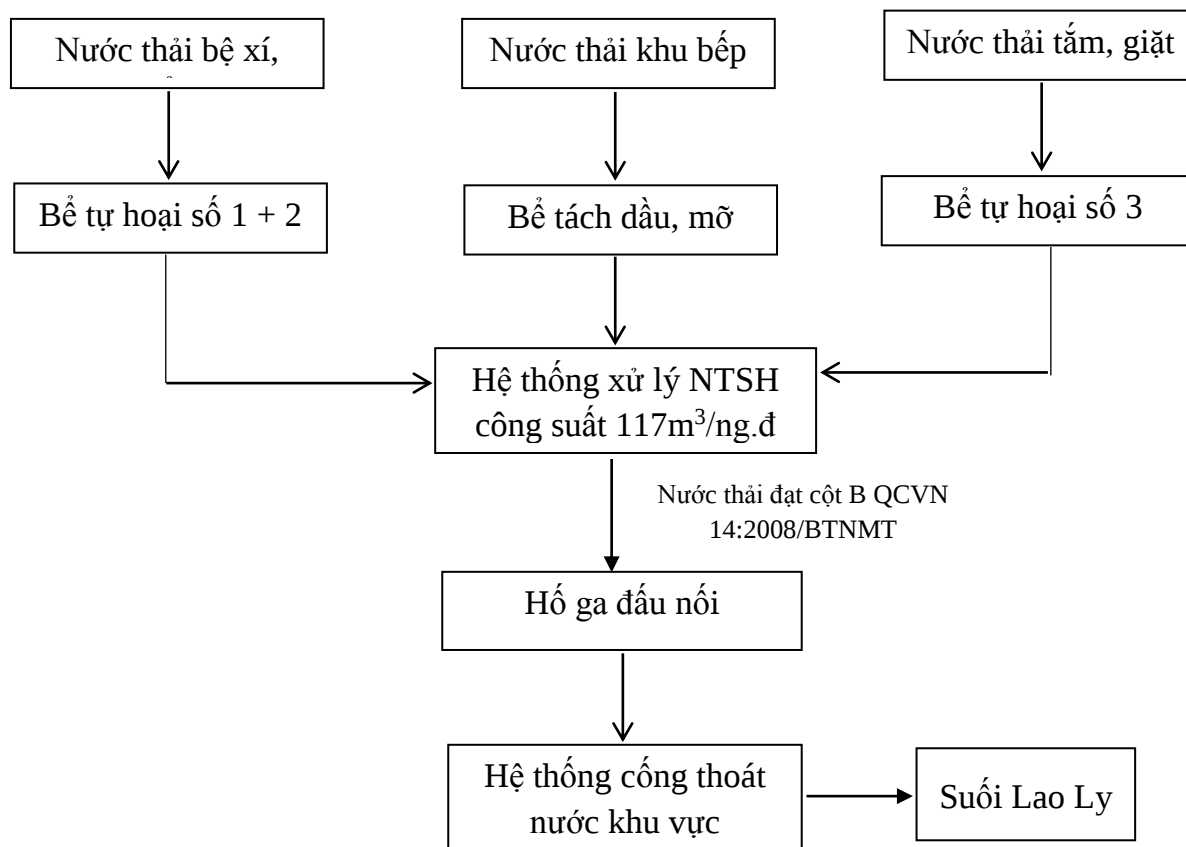
STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,0 - 9,0		
2	BOD ₅	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ	mg/l	100		

	lửng (TSS)				
4	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
6	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50		
7	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Tổng coliforms	MPN/100 ml	5000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI.

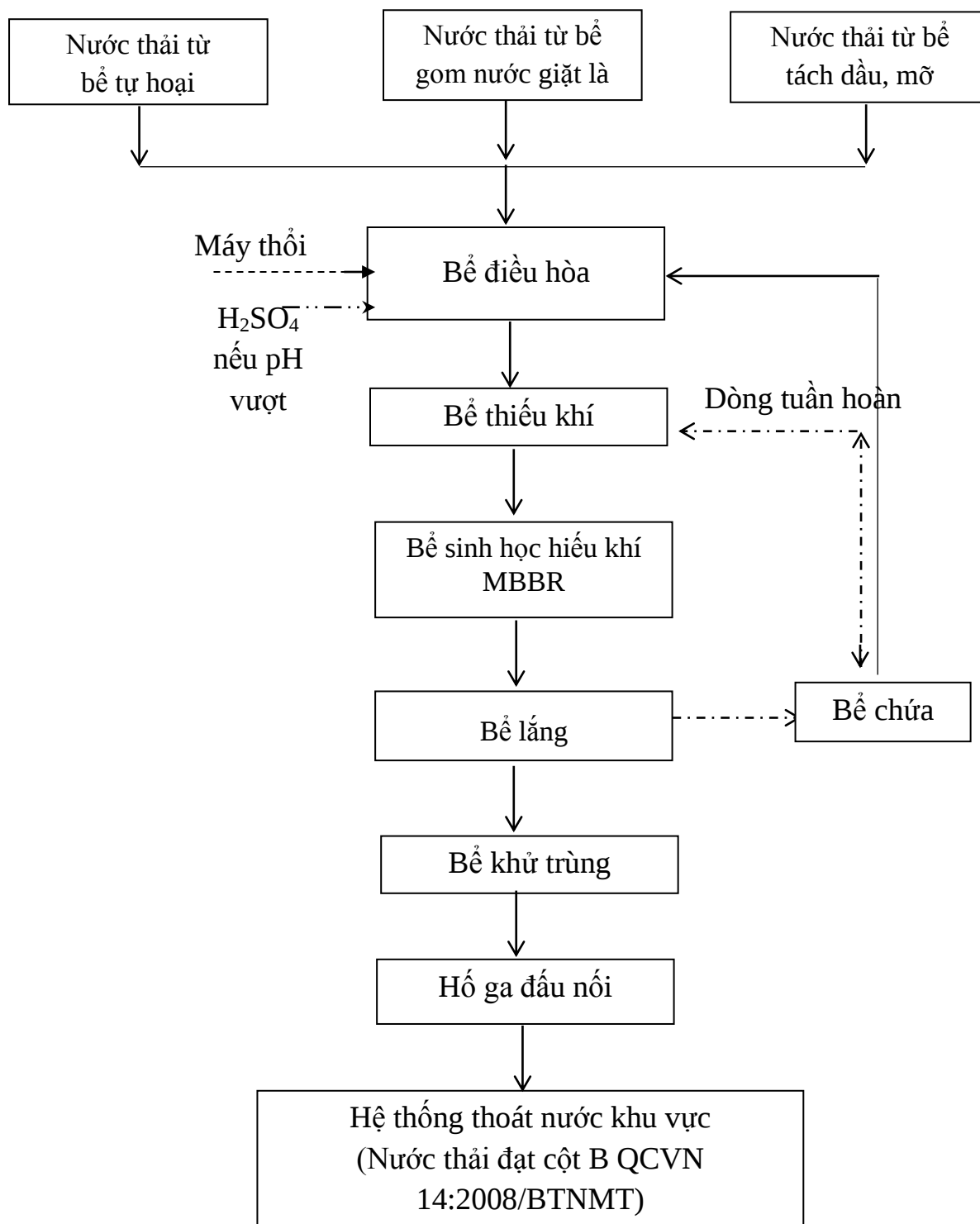
1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải.

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải được thể hiện qua sơ đồ sau:



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải.

a) Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở như sơ đồ sau:



Ghi chú:

————> Đường nước thải

-----> Đường cấp khí / khuấy

-.-.-.-> Đường bùn

-...-...> Đường hoá chất

b) Công suất thiết kế: 117 m³/ngày đêm.

c) Hóa chất, vật liệu sử dụng: H₂SO₄, NaOCl hoặc Ca(OCl)₂.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không có.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

- Dùng hai nguồn điện độc lập đối với thiết bị, hệ thống dự phòng đối với hệ thống xử lý chất thải. Khi có sự cố thì hệ thống tự ngắt và chuyển sang hệ thống dự phòng nhằm đảm bảo hệ thống xử lý không bị ngừng hoạt động

- Định kỳ bảo dưỡng hệ thống xử lý, vận hành ổn định, khi gặp sự cố sẽ khắc phục, sửa chữa kịp thời đảm bảo hệ thống vận hành trong thời gian sớm nhất, cam kết không xả nước thải ra môi trường trong thời gian xảy ra sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

TT	Công trình	Thời gian dự kiến bắt đầu	Thời gian dự kiến kết thúc	Công suất dự kiến đạt được khi kết thúc vận hành thử nghiệm
1	Hệ thống XLNT sinh hoạt	Sau khi được cấp GPMT 15 ngày	3 tháng kể từ khi bắt đầu VHTN	50 - 70% công suất

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

STT	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu	Số mẫu/đợt	Số đợt	Tổng số mẫu	Thông số	Quy chuẩn so sánh	Thời gian lấy mẫu
1	Mẫu nước thải trước khi xử lý	Mẫu đơn	01	01	01	pH, BOD, COD, TSS,	QCVN 14:2008/ BTNMT	Lấy mẫu trong giai đoạn vận hành ổn định
2	Mẫu nước thải sau xử lý	Mẫu đơn	01	03	03	Tổng N, Tổng P, Pb, Cd, As, tổng coliform		

Ghi chú: trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp được thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

(theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT: Lấy mẫu 1 ngày/1 lần (3 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Lập sổ nhật ký, ghi chép theo dõi việc vận hành công trình xử lý nước thải theo quy định.

3.3. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, giám sát việc vận hành, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị, các công trình xử lý nước thải của dự án để tránh xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý nước thải.

Phụ lục 02:**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1725/GPMT-UBND ngày 27/5/2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải**

Nguồn số 01: Khí thải sau quá trình xử lý của tháp hấp phụ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí

Dòng khí thải: Một (01) dòng khí thải ra môi trường.

2.1. Vị trí xả khí thải:

a) Vị trí xả thải: Ống thoát khí sạch tại đỉnh nóc hầm các bể xử lý của hệ thống XLNT trên đường Đình Công Tráng, khu đô thị Phú Lộc IV, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

b) Tọa độ vị trí xả thải của dự án (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$, múi chiếu 3°):

$X = 2418.119$; $Y = 449.568$.

2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $2.000\text{m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ) với $83,33\text{m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả thải liên tục (24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về môi trường đối với bụi, khí thải:

Chưa có Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về môi trường đối với khí thải (mùi) được phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI.**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom, xử lý khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải (mùi) phát sinh từ các bể của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được thu gom theo đường ống PVC D140 nối với quạt hút khí và đưa vào tháp hấp phụ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải.

a) Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử

lý nước thải tại cơ sở như sau:

- Bước 1: Tiếp nhận và phân phối dòng khí thải

Khí thải chứa các chất gây mùi và hợp chất ô nhiễm được quạt ly tâm hút vào hệ thống và dẫn vào buồng lọc của tháp.

- Bước 2: Trung hòa

Sử dụng giàn phun NaOH dạng nước, khi dòng khí thải vào sẽ được hấp thụ qua dung dịch hấp thụ (dung dịch kiềm NaOH có pH dung dịch từ 7,5-9) để hấp thụ các hợp chất hữu cơ bay hơi. Khi hai pha khí và NaOH dạng nước tiếp xúc với nhau, sẽ xảy ra các phản ứng hóa học hoặc vật lý giữa chất hấp thụ và chất bị hấp thụ. Các chất độc hại và ô nhiễm trong khí thải sẽ bị hấp thụ bởi chất lỏng, giúp loại bỏ chúng khỏi khí thải. Khí thải còn lại sẽ được đưa sang khoang hấp phụ để xử lý tiếp.

- Bước 3: Hấp phụ các chất ô nhiễm bằng than hoạt tính

Dòng khí thải đi qua các lớp than hoạt tính, tại đây các chất ô nhiễm và cả vi khuẩn có hại sẽ bị giữ lại trên bề mặt than nhờ vào cấu trúc xốp với diện tích bề mặt lớn.

- Bước 4: Dẫn khí sạch ra khỏi hệ thống

Sau khi qua các lớp than hoạt tính, dòng khí đã được loại bỏ hầu hết các tạp chất sẽ đi qua cửa thoát khí và được dẫn ra ngoài môi trường thông qua đường ống PVC 140mm.

b) Công suất thiết kế: 2.000 m³/ngày đêm.

c) Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH 10% và than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

Không có.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

Không có

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

TT	Công trình	Thời gian dự kiến bắt đầu	Thời gian dự kiến kết thúc	Công suất dự kiến đạt được khi kết thúc vận hành thử nghiệm
1	Hệ thống xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ công trình xử lý nước thải	Sau khi được cấp GPMT 15 ngày	3 tháng kể từ khi bắt đầu VHTN	50 -70% Công suất 2.000 m ³ /h

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

STT	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu	Số mẫu/đợt	Số đợt	Tổng số mẫu	Thông số	Quy chuẩn so sánh	Thời gian lấy mẫu
1	Khí thải tại ống thoát khí ra ngoài môi trường	Mẫu đơn	01	03	03	Lưu lượng, CO, NO ₂ , SO ₂ .	Chưa có QCVN so sánh	Lấy mẫu trong giai đoạn vận hành ổn định

Ghi chú: trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp được thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

Chưa có Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về môi trường đối với khí thải (mùi) được phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Theo quy định tại khoản khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT: Lấy mẫu 1 ngày/1 lần (3 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Lập sổ nhật ký, ghi chép theo dõi việc vận hành công trình xử lý khí thải theo quy định.

3.3. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, giám sát việc vận hành, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị, các công trình xử lý nước thải của dự án để tránh xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý khí thải.

Phụ lục 03
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1725/GPMT-UBND ngày 27/5/2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn)

I. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên của Cơ sở được thể hiện trong bảng sau.

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (R/L/B)	Số lượng Kg/năm	Mã CTNH	Phương án xử lý	Mức độ xử lý
1	Các loại vật dụng nhiễm dầu thải (giẻ lau, bao tay, ...)	R	3	18 02 01	Thu gom và thuê đơn vị có đủ chức năng, vận chuyển xử lý	100%
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	R	3	16 01 06		100%
3	Hộp mực in thải	R	3	08 02 04		100%
4	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn thải	L	6	17 02 03		100%
5	Pin ắc quy chì thải	R	2	16 01 12		100%
6	Bao bì mềm thải có chứa thành phần nguy hại (chai lọ nhựa, vỏ túi nilon, vỏ bao bì đựng hóa chất)	R	2	18 01 01		100%
7	Bao bì cứng thải có chứa thành phần nguy hại (chai lọ đựng hóa chất, vỏ thùng phuy, thùng đựng hóa chất, đựng dầu)	R	2	18 01 04		

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.

Không có

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cơ sở gồm (nhân viên khách sạn, khách lưu trú tại khách sạn và các khu vực dịch vụ).

Thành phần rác thải sinh hoạt chủ yếu là các chất thải hữu cơ có nguồn gốc từ thực phẩm và chất thải vô cơ với tổng lượng phát sinh khoảng 426kg/ngày.

1.4. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Khối lượng phát sinh khoảng 19,75 kg/ngày thực hiện phân tích ngưỡng chất thải nguy hại để có biện pháp xử lý tương ứng, cụ thể:

- Trường hợp bùn thải thuộc danh mục chất thải nguy hại, chủ dự án sẽ thực hiện thu gom, lưu chứa và thuê đơn vị đến vận chuyển, xử lý như chất thải nguy hại.

- Trường hợp bùn thải không thuộc danh mục chất thải nguy hại, chủ dự án sẽ thực hiện thu gom và xử lý như chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại.

- Khu vực lưu chứa trong nhà: Ngăn lưu trữ CTNH được đặt ở tầng hầm của tòa nhà Khách sạn bên cạnh ngăn chứa CTRSH.

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: có diện tích 4m²

- Thiết bị lưu chứa: 07 thùng chứa loại 50L (320x270x390mm) và 01 can 30L (292x253x383mm) tương ứng với 7 loại mã CTNH phát sinh.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Khu vực lưu chứa trong nhà: Ngăn lưu trữ CTRSH được đặt ở tầng hầm của tòa nhà Khách sạn.

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: có diện tích 15m² trong đó (phòng chứa rác khô 7m² và phòng chứa rác ướt 8m²)

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa di động HDPE có nắp đậy 06 thùng 240L và 02 xe gom rác di động 660L; 02 thùng 50L; 129 thùng 10-15L (tương ứng 129 phòng); 24 thùng 20L.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Chủ dự án có trách nhiệm đảm bảo an toàn và thực hiện các phương án phòng chống, biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất, cháy nổ, sự cố hệ thống xử lý nước thải và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường và phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 123 và Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020./.

Phụ lục 04**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1725/GPMT-UBND ngày 27/5/2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn)*

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả quản lý, sử dụng. Giảm thiểu xả nước thải thông qua tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước.
3. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định.
4. Thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý chất thải phát sinh đảm bảo không xả thải chất thải khi chưa được xử lý đạt quy chuẩn ra ngoài môi trường.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng cháy, chữa cháy, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;..... Đền bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.
7. Chủ dự án chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ về các nội dung, thông tin tài liệu xin cấp giấy phép; thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.